

CÔNG TY CỔ
PHẦN NHIỆT
ĐIỆN QUẢNG
NINH

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN QUẢNG
NINH
Date: 2026.03.25
16:09:45 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Sinh Nghĩa	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2025
Ông Lê Việt Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2025
		Tư cách thành viên HĐQT theo mục 32.1
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Đức Hùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2025
Ông Tống Quang Vinh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2025
Ông Phan Duy An	Thành viên HĐQT	
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT	

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Thành	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Tăng Minh Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Dương Đình Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/01/2026

Kế toán trưởng của Công ty là ông Trần Vũ Linh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoại trừ sự kiện đã nêu tại mục 32.1, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Dũng
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Số: 271/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 6 đến trang 39 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này phát hành tại ngày 26/03/2025.



BV

Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.588.847.774.590	4.549.973.245.008
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	72.706.840.025	35.536.335.809
Tiền	111		72.706.840.025	35.536.335.809
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	1.461.500.000.000	521.500.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.460.000.000.000	520.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.234.342.654.297	2.961.555.888.752
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	3.213.653.519.856	2.952.467.185.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		667.801.423	666.927.961
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	209.340.520.157	197.740.961.966
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(189.319.187.139)	(189.319.187.139)
Hàng tồn kho	140	13	709.466.022.421	882.092.912.598
Hàng tồn kho	141		709.466.022.421	882.092.912.598
Tài sản ngắn hạn khác	150		110.832.257.847	149.288.107.849
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	989.043.025	1.997.067.686
Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.802.428.500	123.594.849.376
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	29.040.786.322	23.696.190.787
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.186.579.315.948	2.872.941.878.656
Tài sản cố định	220		2.126.492.492.657	2.811.018.275.202
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.125.024.653.134	2.811.018.275.202
- Nguyên giá	222		21.067.152.223.052	21.207.353.794.524
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.942.127.569.918)	(18.396.335.519.322)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.467.839.523	-
- Nguyên giá	228		6.352.090.996	6.767.357.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.884.251.473)	(6.767.357.553)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.032.350.058	5.522.242.671
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	7.032.350.058	5.522.242.671
Tài sản dài hạn khác	260		53.054.473.233	56.401.360.783
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	4.040.412.990	4.579.352.220
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12	49.014.060.243	51.822.008.563
TỔNG TÀI SẢN	270		7.775.427.090.538	7.422.915.123.664

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.845.704.242.272	2.367.733.754.835
Nợ ngắn hạn	310		1.810.578.300.672	2.244.983.754.835
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.212.721.976.116	1.434.709.864.971
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		688.403	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	163.349.880.195	20.824.806.938
Phải trả người lao động	314		221.487.345.042	149.697.070.928
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.526.825.127	1.010.946.355
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	87.832.690.223	459.621.042.403
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	-	75.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		120.658.895.566	104.120.023.240
Nợ dài hạn	330		35.125.941.600	122.750.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	18	35.125.941.600	5.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	-	117.750.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	5.929.722.848.266	5.055.181.368.829
Vốn chủ sở hữu	410		5.929.722.848.266	5.055.181.368.829
Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		230.890.628.441	230.890.628.441
Vốn khác của chủ sở hữu	414		31.536.951.972	24.898.190.553
Quỹ đầu tư phát triển	418		113.578.681.648	120.217.443.067
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.053.716.586.205	179.175.106.768
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.812.752.893	9.918.844.333
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.035.903.833.312	169.256.262.435
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.775.427.090.538	7.422.915.123.664

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	10.785.792.298.804	11.908.408.145.250
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.785.792.298.804	11.908.408.145.250
Giá vốn hàng bán	11	22	9.275.020.195.756	11.084.642.168.984
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.510.772.103.048	823.765.976.266
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	29.065.577.313	6.526.582.741
Chi phí tài chính	22	24	81.418.865.332	24.951.442.951
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.130.102.777	20.823.968.604
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	124.793.088.782	114.630.691.132
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.333.625.726.247	690.710.424.924
Thu nhập khác	31	27	4.039.952.210	3.819.939.209
Chi phí khác	32	28	6.356.704.336	6.024.696.187
Lợi nhuận khác	40		(2.316.752.126)	(2.204.756.978)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.331.308.974.121	688.505.667.946
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	295.405.140.809	69.249.405.511
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.035.903.833.312	619.256.262.435
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.302	1.218
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.302	1.218

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng

Trần Vũ Linh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.331.308.974.121	688.505.667.946
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		550.723.882.726	570.079.923.753
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.230.200.000	3.053.700.000
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(29.227.800.668)	(6.590.059.218)
Chi phí lãi vay	06		10.130.102.777	20.823.968.604
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.865.165.358.956	1.275.873.201.085
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(223.483.214.172)	(45.317.580.933)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		174.678.462.431	(151.482.019.673)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		102.756.361.403	336.389.321.943
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.546.963.891	(1.618.952.414)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.130.102.777)	(20.841.230.933)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(149.900.000.000)	(57.700.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		835.036.000	815.340.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(56.223.503.930)	(69.072.389.773)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.705.245.361.802	1.267.045.689.302
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.873.855.996)	(74.122.309.674)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		162.223.355	63.476.477
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.010.000.000.000)	(750.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.070.000.000.000	230.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.209.851.281	3.519.536.165
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(935.501.781.360)	(590.539.297.032)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(192.750.000.000)	(123.485.499.917)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(539.823.076.226)	(675.164.136.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(732.573.076.226)	(798.649.636.278)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		37.170.504.216	(122.143.244.008)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	35.536.335.809	157.679.579.817
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	72.706.840.025	35.536.335.809

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng

Trần Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700434869 ngày 16/12/2002, đã đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 10/11/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 4.500.000.000.000 đồng chia thành 450.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số cán bộ của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 823 người (tại ngày 31/12/2024 là 828 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện. Công ty thực hiện quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh với 04 tổ máy có tổng công suất là 1.200 MW.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chi tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh gồm cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phân ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	06 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản cố định đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính, tối đa không quá 3 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, thông thường từ 01 đến 03 năm.

3.11 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Các thiết bị vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế khi xuất dùng được hạch toán ngay một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nếu được sử dụng như công cụ, dụng cụ.

3.12 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cả tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện và doanh thu các các hoạt động khác.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Chính sách ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

- Hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (năm 2010) đến hết năm 2024 đối với thu nhập từ lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy điện theo Điều 15, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

- Miễn thuế TNDN trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ kỳ tính thuế năm 2011 đến hết năm 2023 theo Điều 16, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Năm 2025, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	25.153.780	51.975.645
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.681.686.245	35.484.360.164
Cộng	72.706.840.025	35.536.335.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	989.043.025	1.997.067.686
- Chi phí kiểm định máy móc, thiết bị	427.527.089	288.282.755
- Chi phí đăng kiểm, bảo hiểm xe	126.673.207	189.975.166
- Chi phí bảo hiểm sức khỏe	-	1.211.030.804
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	66.560.569	-
- Các khoản khác	368.282.160	307.778.961
b) Dài hạn	4.040.412.990	4.579.352.220
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.585.184.610	3.258.658.450
- Chi phí kiểm định máy móc, thiết bị	1.050.080.675	1.190.501.904
- Các khoản khác	405.147.705	130.191.866
Cộng	5.029.456.015	6.576.419.906

6. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	5.727.646.000	5.084.146.000
- Sửa chữa lớn hệ thống điều hòa không khí QN1	756.376.066	-
- Dự án cung cấp, lắp đặt, kết nối hệ thống thiết bị đo lưu lượng nước biển khai thác	106.231.321	-
- Dự án chuyển đổi dầu FO-DO cho các tổ máy của Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh	442.096.671	438.096.671
Cộng	7.032.350.058	5.522.242.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

7.1 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Chứng khoán chưa niêm yết	1.500.000.000	(*)	-	1.500.000.000 (*)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	1.500.000.000	(*)	-	1.500.000.000 (*)
Cộng	1.500.000.000	(*)	-	1.500.000.000 (*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

7.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	1.460.000.000.000	1.460.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.460.000.000.000	1.460.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000
Cộng	1.460.000.000.000	1.460.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH
 Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
MẪU SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	3.213.653.519.856	-	2.952.467.185.964	-
- Công ty Mua bán điện	3.211.438.064.534	-	2.950.352.989.075	-
- Công ty Cổ phần kinh doanh Cảng Hạ Long	367.804.800	-	746.842.040	-
- Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh	-	-	323.479.021	-
- Công ty Cổ phần Đức Việt 568	832.651.082	-	235.184.148	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.014.999.440	-	808.691.680	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.213.653.519.856	-	2.952.467.185.964	-

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	209.340.520.157	(188.652.259.178)	197.740.961.966	(188.652.259.178)
- Phải thu về chi phí san nền, giải phóng mặt bằng (*)	23.152.468.028	(23.152.468.028)	23.152.468.028	(23.152.468.028)
- Phải thu về chi phí trung dụng tổ máy của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	165.499.791.150	(165.499.791.150)	165.499.791.150	(165.499.791.150)
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.176.986.307	-	3.321.260.275	-
- Phải thu khác	5.511.274.672	-	5.767.442.513	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	209.340.520.157	(188.652.259.178)	197.740.961.966	(188.652.259.178)

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.3

(*) Đây là khoản chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan tới lô đất tại xã Thống Nhất, TP. Hạ Long, Quảng Ninh (nay là xã Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh). UBND tỉnh Quảng Ninh đã thu hồi khu đất trên theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 23/01/2018. Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về việc bồi hoàn khoản chi phí san nền, giải phóng mặt bằng.

(**) Đây là khoản chi phí trung dụng các tổ máy của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh trong thời gian chạy thử nghiệm tin cậy đến trước khi cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) cho các tổ máy nhằm đáp ứng nhu cầu phụ tải của Hệ thống điện mùa khô 2010 và đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia giai đoạn 2009-2010. Cho tới thời điểm hiện tại, qua quá trình làm việc với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo đánh giá của Công ty, việc thu hồi khoản công nợ này rất khó khăn nên Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản chi phí trung dụng phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện vận tải,		Thiết bị dụng cụ		TSCĐ HH		Cộng	
	vật kiến trúc		thiết bị		truyền dẫn		quản lý		khác			
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
NGUYÊN GIÁ												
01/01/2025	4.144.813.954.208	15.829.037.786.745	1.220.658.408.140	11.914.228.543	929.416.888	21.207.353.794.524						
- Mua trong năm	975.655.700	3.030.351.852	1.543.970.909	1.015.007.749	-	6.564.986.210						
- Tăng khác	18.802.002	-	-	-	-	18.802.002						
- Phân loại lại	-	41.247.749	-	(41.247.749)	-	-						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.135.239.893)	(1.148.724.810)	(908.985.360)	-	(5.192.950.063)						
- Giảm theo quyết toán	(68.222.966.830)	(73.369.442.791)	-	-	-	(141.592.409.621)						
31/12/2025	4.077.585.445.080	15.755.604.703.662	1.221.053.654.239	11.979.003.183	929.416.888	21.067.152.223.052						

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2025	(2.594.967.136.958)	(14.576.706.117.103)	(1.214.227.622.446)	(9.505.225.927)	(929.416.888)	(18.396.335.519.322)
- Khấu hao trong năm	(182.845.507.228)	(366.315.609.008)	(930.595.616)	(893.288.807)	-	(550.985.000.659)
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.135.239.893	1.148.724.810	908.985.360	-	5.192.950.063
31/12/2025	(2.777.812.644.186)	(14.939.886.486.218)	(1.214.009.493.252)	(9.489.529.374)	(929.416.888)	(18.942.127.569.918)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2025	1.549.846.817.250	1.252.331.669.642	6.430.785.694	2.409.002.616	-	2.811.018.275.202
31/12/2025	1.299.772.800.894	815.718.217.444	7.044.160.987	2.489.473.809	-	2.125.024.653.134

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 0 đồng, (tại ngày 01/01/2025 là 2.158.565.228.889 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 6.554.026.099.948 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 6.429.885.749.076 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	6.767.357.553	6.767.357.553
- Mua trong năm	1.617.390.909	1.617.390.909
- Thanh lý, nhượng bán	(2.032.657.466)	(2.032.657.466)
31/12/2025	<u>6.352.090.996</u>	<u>6.352.090.996</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(6.767.357.553)	(6.767.357.553)
- Khấu hao trong năm	(149.551.386)	(149.551.386)
- Thanh lý, nhượng bán	2.032.657.466	2.032.657.466
31/12/2025	<u>(4.884.251.473)</u>	<u>(4.884.251.473)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
31/12/2025	<u>1.467.839.523</u>	<u>1.467.839.523</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 4.734.700.087 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 6.767.357.553 đồng).

12. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Phản ánh các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng. Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 lần lượt là 51.822.008.563 đồng và 49.014.060.243 đồng.

13. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	708.893.897.230	-	881.217.799.113	-
Công cụ, dụng cụ	553.787.671	-	875.064.715	-
Chi phí SXKD dở dang	18.337.520	-	48.770	-
Cộng	<u>709.466.022.421</u>	<u>-</u>	<u>882.092.912.598</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	1.212.721.976.116	1.212.721.976.116	1.434.709.864.971	1.434.709.864.971
- Tập đoàn Điện khí Thượng Hải - SEC	71.217.900.000	71.217.900.000	68.987.700.000	68.987.700.000
- Tổng Công ty Than Đông Bắc	374.398.648.192	374.398.648.192	189.864.024.981	189.864.024.981
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	401.750.572.274	401.750.572.274	606.585.366.551	606.585.366.551
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	61.179.741.406	61.179.741.406	66.125.323.144	66.125.323.144
- Phải trả các đối tượng khác	304.175.114.244	304.175.114.244	503.147.450.295	503.147.450.295
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.212.721.976.116	1.212.721.976.116	1.434.709.864.971	1.434.709.864.971

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 32.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	17.844.739.386	295.405.140.809	149.900.000.000	163.349.880.195				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.980.067.552	20.178.913.267	23.158.980.819	-				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.101.135.394	1.101.135.394	-				
- Thuế nhà đất	-	3.000.000	3.000.000	-				
- Các loại thuế khác	20.824.806.938	316.688.189.470	174.163.116.213	163.349.880.195				

	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu	23.696.190.787	784.323.799.722	784.322.076.995	23.694.468.060				
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	222.226.435	222.226.435				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	6.808.320.713	11.932.412.540	5.124.091.827				
- Tiền thuế đất	23.696.190.787	791.132.120.435	796.476.715.970	29.040.786.322				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	-	-	117.750.000.000	117.750.000.000
Cộng	-	-	267.750.000.000	192.750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.526.825.127	1.010.946.355
- Các khoản trích trước khác	4.526.825.127	1.010.946.355
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.526.825.127	1.010.946.355

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	87.832.690.223	459.621.042.403
- Kinh phí công đoàn	196.543.479	361.600.396
- Bảo hiểm xã hội	-	2.528.410.799
- Bảo hiểm y tế	-	446.190.142
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	198.306.729
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.406.540.843	453.229.617.069
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.229.309.472	45.683.000
- Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	76.990.274.712	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.010.021.717	2.811.234.268
b) Dài hạn	35.125.941.600	5.000.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	35.125.941.600	5.000.000.000
Cộng	122.958.631.823	464.621.042.403

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH
Tổ 33, Khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	4.500.000.000.000	230.890.628.441	19.620.360.310	125.495.273.310	416.454.910.748	5.292.461.172.809						
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	619.256.262.435						619.256.262.435
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(856.536.066.415)						(856.536.066.415)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng BQL điều hành	-	-	-	-	-	(69.036.066.415)						(69.036.066.415)
+ Chia có tức năm 2023	-	-	-	-	-	(337.500.000.000)						(337.500.000.000)
+ Tạm ứng Chia có tức năm 2024	-	-	-	-	-	(450.000.000.000)						(450.000.000.000)
- Chi mua sắm từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.277.830.243	(5.277.830.243)	-	-						-
31/12/2024	4.500.000.000.000	230.890.628.441	24.898.190.553	120.217.443.067	179.175.106.768	5.055.181.368.829						
01/01/2025	4.500.000.000.000	230.890.628.441	24.898.190.553	120.217.443.067	179.175.106.768	5.055.181.368.829						
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	1.035.903.833.312						1.035.903.833.312
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	(161.362.353.875)						(161.362.353.875)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng BQL điều hành	-	-	-	-	-	(71.362.353.875)						(71.362.353.875)
+ Chia có tức năm 2024	-	-	-	-	-	(90.000.000.000)						(90.000.000.000)
- Chi mua sắm từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.638.761.419	(6.638.761.419)	-	-						-
31/12/2025	4.500.000.000.000	230.890.628.441	31.536.951.972	113.578.681.648	1.053.716.586.205	5.929.722.848.266						

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 58/NQ-NDQN ngày 27/4/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Phát điện 1	1.889.938.240.000	1.889.938.240.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	735.872.910.000	735.872.910.000
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	514.010.890.000	514.010.890.000
- Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	477.841.310.000	477.841.310.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	882.336.650.000	882.336.650.000
Cộng	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	90.000.000.000	787.500.000.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	450.000.000	450.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	450.000.000	450.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	450.000.000	450.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	450.000.000	450.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	450.000.000	450.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	113.578.681.648	120.217.443.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****Tài sản thuê ngoài:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty thuê đất theo các Hợp đồng sau:

Tên lô đất/ Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Ghi chú
Hợp đồng số 181/HĐTĐ ngày 27/11/2023	2.701.539,40 m ²	40 năm kể từ ngày 15/3/2007	Sử dụng làm khu bãi thải xỉ; khu hệ thống kênh dẫn nước làm mát; Khu xây dựng nhà máy chính; Khu tuyến mương cắt nước ngoài hàng rào nhà máy chính	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 24/9/2023 đến 24/9/2028)
Hợp đồng số 88/HĐTĐ ngày 31/7/2024	1.448,22 m ²	50 năm kể từ ngày 21/7/2009, hết hạn thuê đất ngày 21/7/2059	Xây dựng móng cột đường dây 35kv và trạm biến áp cấp điện cho trạm bơm nước kỹ thuật kết hợp nước thi công Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 01/7/2024 đến 30/6/2029)
Hợp đồng số 418/HĐTĐ ngày 23/12/2021	88.332,60 m ²	31 năm, hết hạn thuê đất ngày 15/3/2047	Xây dựng tuyến đường ống cung cấp nước kỹ thuật kết hợp nước thi công Dự án nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 17/2/2021 đến 17/2/2026)
Hợp đồng số 417/HĐTĐ ngày 23/12/2021	6.960,40 m ²	31 năm, hết hạn thuê đất ngày 15/3/2047	Xây dựng móng cột dự án đường dây 500kv và 220kv đầu nối từ Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh với trạm biến áp 500kv	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 02/2/2021 đến 02/2/2026)
Hợp đồng số 416/HĐTĐ ngày 23/12/2021	2.383,70 m ²	31 năm, hết hạn thuê đất ngày 15/3/2047	Sử dụng làm trạm bơm nước lắng trong quay về Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 19/4/2021 đến 19/4/2026)
Hợp đồng số 414/HĐTĐ ngày 23/12/2021	58.842,50 m ²	31 năm, hết hạn thuê đất ngày 15/3/2047	Sử dụng làm đường ống thải xỉ Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 08/3/2021 đến 08/3/2026)
Hợp đồng số 415/HĐTĐ ngày 23/12/2021	164.103,80 m ²	31 năm, hết hạn thuê đất ngày 15/3/2047	Sử dụng làm kênh dẫn nước làm mát Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 01/2/2021 đến 01/2/2026)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Tên lô đất/ Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Ghi chú
Hợp đồng số 95/HĐTĐ ngày 01/8/2022	21.228,00 m ²	30 năm, hết hạn thuê đất ngày 15/3/2047	Sử dụng làm cảng phục vụ dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/10/2027)
Hợp đồng số 180/HĐTĐ ngày 27/11/2023	93.087,10 m ²	29 năm kể từ ngày 30/8/2018, hết hạn ngày 15/3/2047	Sử dụng để dự trữ nước (tích nước) tăng lưu lượng nước dẫn vào kênh làm mát tuần hoàn của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn giá ổn định 5 năm/1 lần (từ ngày 30/8/2023 đến 30/8/2028)
Hợp đồng số 89/HĐTĐ ngày 31/7/2024	39.264,40 m ²	Diện tích 32.114,0 m ² thuê đến ngày 15/03/2047; Diện tích 7.150,4 m ² thuê đất hàng năm	Sử dụng làm khu nhà ở cán bộ công nhân viên dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh	Đối với diện tích 32.114,0 m ² đơn giá ổn định 5 năm/1 lần từ ngày 03/7/2024 đến 02/7/2029; Đối với diện tích 7.150,4 m ² trả tiền thuê đất hàng năm

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Doanh thu	10.785.792.298.804	11.908.408.145.250
- Doanh thu liên quan đến bán điện	10.785.792.298.804	11.908.108.627.638
- Doanh thu khác	-	299.517.612
Cộng	10.785.792.298.804	11.908.408.145.250

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 32.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn liên quan đến bán điện	9.275.020.195.756	11.084.392.168.984
- Giá vốn của hoạt động khác	-	250.000.000
Cộng	9.275.020.195.756	11.084.642.168.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.984.577.313	6.429.082.741
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	81.000.000	97.500.000
Cộng	29.065.577.313	6.526.582.741

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.130.102.777	20.823.968.604
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	69.037.729.222	1.055.700.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	2.230.200.000	3.053.700.000
- Chi phí tài chính khác	20.833.333	18.074.347
Cộng	81.418.865.332	24.951.442.951

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	83.095.394.293	75.364.644.554
- Chi phí vật liệu quản lý	6.950.376.882	4.793.405.970
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.570.080.665	2.187.987.732
- Thuế, phí và lệ phí	1.104.135.394	1.104.135.394
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.079.678.260	7.647.205.516
- Chi phí bằng tiền khác	22.993.423.288	23.533.311.966
Cộng	124.793.088.782	114.630.691.132

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	7.877.198.224.681	9.708.421.925.770
- Chi phí nhân công	410.829.946.729	362.891.236.711
- Khấu hao tài sản cố định	547.521.770.014	566.743.967.050
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	294.492.774.250	335.864.264.853
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.739.187.613	77.474.642.988
- Chi phí bằng tiền khác	190.031.381.251	147.876.822.744
Cộng	9.399.813.284.538	11.199.272.860.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	162.223.355	63.476.477
- Tiền bảo lãnh dự thầu	-	50.000.000
- Tiền phạt hợp đồng thu được	1.701.631.516	143.673.088
- Các khoản khác	2.176.097.339	3.562.789.644
Cộng	4.039.952.210	3.819.939.209

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Các khoản chi phí khác	6.356.704.336	6.024.696.187
Cộng	6.356.704.336	6.024.696.187

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.331.308.974.121	688.505.667.946
Các khoản chi phí không được khấu trừ	145.798.568.103	1.492.349.513
- Chi phí không được trừ	145.798.568.103	1.492.349.513
Các khoản điều chỉnh khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	91.290.000	147.017.612
- Cổ tức lợi nhuận được chia	81.000.000	97.500.000
- Doanh thu đã tính vào LNCT của (các) kỳ trước	-	49.517.612
- Điều chỉnh giảm chi phí năm trước vào năm nay	10.290.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.477.016.252.224	689.850.999.847
- Thu nhập chịu thuế TNDN 10%	-	687.251.728.380
- Thu nhập chịu thuế TNDN 20%	1.477.016.252.224	2.599.271.467
Thuế TNDN phải trả	295.403.250.445	69.245.027.131
- Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	1.890.364	4.378.380
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	295.405.140.809	69.249.405.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.035.903.833.312	619.256.262.435
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	71.362.353.875
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.035.903.833.312	547.893.908.560
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	450.000.000	450.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.302	1.218

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 58/NQ-NĐQN ngày 27/4/2025. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 1.218 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán là 1.376 VND/CP).

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, do Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025.

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 23/2/2026, Công ty nhận được thông báo có nội dung: Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ban hành Văn bản số 275/VPCQCSĐT-P3 về việc khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với đảng viên vi phạm pháp luật. Theo đó, Ông Lê Việt Cường – Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc đã bị khởi tố, tạm giam để điều tra về hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Hiện nay, chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 3, Điều 22, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ông Lê Việt Cường không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng, sự việc này không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và việc trình bày số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoại trừ sự kiện nêu trên, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

32.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cả Tập đoàn
- Tổng Công ty Phát điện 1	Cùng tập đoàn
- Công ty Mua bán điện	Cùng tập đoàn
- Công ty Truyền tải Điện 1	Cùng tập đoàn
- Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP	Cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc Cùng tập đoàn
- Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin Cùng tập đoàn
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 Cùng tập đoàn
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 Cùng tập đoàn
- Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc,
Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Công ty Mua bán điện	10.766.393.550.291	11.883.801.213.165
Mua hàng		
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	43.845.679.797	23.949.026.197
- Tổng Công ty Phát điện 1	-	226.361.448
- Công ty Truyền tải Điện 1	3.244.126.980	3.236.621.670
- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	131.605.450	456.779.484
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1	584.125.000	-
- Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	787.175.544	587.679.094
Chia cổ tức trong kỳ		
- Tổng Công ty Phát điện 1	37.800.000.000	330.750.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Mua bán điện	3.211.438.064.534	2.950.352.989.075
Phải trả người bán		
- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	142.133.886	612.321.843
- Công ty Truyền tải Điện 1	3.503.657.139	3.495.551.404
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	505.556.111	3.819.541.443
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 4	474.809.708	474.809.708
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1	630.855.000	-
- Tổng Công ty Phát điện 3- CTCP	1.224.923.786	17.183.313.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị			
- Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	977.415.000	922.341.000
- Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	161.072.667	-
- Lê Việt Cường	Thành viên	121.505.753	-
- Ngô Sinh Nghĩa	Thành viên	39.566.913	90.400.000
- Nguyễn Quang Huy	Thành viên	161.072.667	135.600.000
- Trần Đức Hùng	Thành viên	39.566.913	135.600.000
- Tống Quang Vinh	Thành viên	121.505.753	-
- Đoàn Xuân Hiệu (miễn nhiệm ngày 03/10/2024)	Thành viên	-	102.611.290
- Trần Thị Kim Chi	Thành viên	161.072.667	32.988.710
- Phan Duy An	Thành viên	161.072.667	135.600.000
Cộng		1.943.851.000	1.555.141.000
Thành viên Ban kiểm soát			
- Nguyễn Hữu Thành	Trưởng ban	165.145.999	141.492.000
- Tăng Minh Hằng	Thành viên	161.072.667	135.600.000
- Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	161.072.667	135.600.000
- Nguyễn Hải Đăng	Thành viên	161.072.667	135.600.000
- Dương Đình Hòa	Thành viên chuyên trách	805.371.000	678.024.000
Cộng		1.453.735.000	1.226.316.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
- Ngô Sinh Nghĩa (Miễn nhiệm ngày 01/5/2024)	Tổng Giám đốc	-	294.373.000
- Nguyễn Việt Dũng	Tổng Giám đốc	1.419.699.002	810.560.000
- Lê Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.225.832.960	786.894.000
- Trần Vũ Linh	Kế toán trưởng	1.180.876.100	722.077.000
Cộng		3.826.408.062	2.613.904.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đã được kiểm toán.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng

Trần Vũ Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Dũng

